QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1174/QĐ-DHQG ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, Trưởng các Ban chức năng khác có liên quan, Tổ trưởng Tổ Quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ ĐHQG-HCM, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQG-HCM chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Giám đốc (để báo cáo);

- Lưu: VT, Ban ĐT.

-------------------------------------------------------------

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

QUY ĐỊNH

In nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

(Kèm theo Quyết định số 4672/QĐ-DHQG ngày 14 tháng 12 năm 2022

của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ (VBCC) Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (DHQG-HCM).

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, viện, khoa, phân hiệu, trung tâm trực thuộc DHQG-HCM (Cơ sở đào tạo - CSDT) được giao nhiệm vụ cấp VBCC.

Điều 2. Mục tiêu

1. Thực hiện thống nhất trong DHQG-HCM về việc in nội dung trên VBCC.

2. Quy định về việc in nội dung trên VBCC đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và DHQG-HCM.

Điều 3. Định nghĩa

Trong Quy định này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Người dùng đầu CSDT là Hiệu trưởng, Viện trưởng, Trưởng khoa, Giám đốc Phân hiệu DHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre và Giám đốc trung tâm trực thuộc DHQG-HCM gọi chung là thủ trưởng.

2. Chương trình đặc biệt bao gồm: chương trình tài năng, chương trình tiến tiến, chương trình Việt-Pháp.

3. Chương trình bình thường bao gồm: chương trình chuẩn, văn bằng hai, liên thông, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, chất lượng cao.

-------------------------------------------------------------

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

Chương II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG IN TRÊN VĂN BÀNG, CHỨNG CHỈ

Điều 4. Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

1. Quy định chung về in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

a) Đối với văn bằng, tên ngành đào tạo được ghi theo Danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh có ghi từ “in” ở phía trước.

b) Đối với chứng chỉ, trình độ đào tạo, tên chương trình đào tạo ghi theo quy định của Bộ GD&ĐT hoặc ghi theo quyết định giao nhiệm vụ của Bộ GD&ĐT, DHQG-HCM.

c) Tên các chương trình đặc biệt được ghi theo đề án đã được Bộ GD&ĐT hoặc DHQG-HCM phê duyệt.

d) Họ tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp VBCC được ghi theo giấy khai sinh hoặc theo hộ chiếu (đối với người nước ngoài).

e) Ngày tháng năm cấp VBCC được xác định theo thời điểm cấp VBCC.

f) Thấm quyền ký VBCC thực hiện theo quy định của Quy chế VBCC DHQG-HCM và quy định của Bộ GD&ĐT.

h) DHQG-HCM quy định số hiệu VBCC và in trên VBCC theo quy định.

i) CSDT cấp VBCC quy định số vào số gọc và in trên VBCC theo quy định của Quy chế VBCC DHQG-HCM, CSDT.

2. Cách ghi nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

a) Cách ghi nội dung trên chứng chỉ (Phụ lục I định kèm).

b) Cách ghi nội dung trên văn bằng cao đẳng sự phạm (Phụ lục II định kèm).

c) Cách ghi nội dung trên văn bằng đại học (Phụ lục III định kèm).

Điều 5. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. CSDT có thể ban hành quy định hoặc văn bản hướng dẫn về in nội dung trên VBCC tại đơn vị để hướng dẫn cho các phòng chức năng, các cá nhân có liên quan thực hiện thông nhất theo đúng quy định của ĐHQG-HCM.

2. CSDT rà soát thông tin của người được cấp VBCC trước khi in và in chính xác thông tin trên VBCC. Nếu có sai sót xảy ra trong quá trình in thì CSDT thực hiện hủy phối VBCC theo quy định của Quy chế VBCC ĐHQG-HCM.

3. CSDT in đầy đủ các thông tin trên VBCC, không được in thêm bất kỳ nội dung hoặc thay đổi nội dung in trên VBCC khác với Quy định này, trừ khi có văn bản đồng ý của ĐHQG-HCM.

-------------------------------------------------------------

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. CSDT chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình áp dụng, Quy định này có thể được Giám đốc ĐHQG-HCM sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

1. Chung chi ứng dụng công nghệ thông tin

a) Chung chi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHI

ỦNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Cấp cho: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (1)

Sinh ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (2) Noi sinh: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (3)

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Hội đồng thi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (5)

Kết quả: Điểm trắc nghiệm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (6) Điểm thắc hành: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (7)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ năm (8)

Số hiệu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (13)

b) Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO

MÔ DUN: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (15)

Cấp cho: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (1)

Sinh ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (2) Noi sinh: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (3)

Đạt yêu cầu bài thi ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao tại Hội đồng thi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (5)

Kết quả: Điểm trắc nghiệm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (6) Điểm thực hành: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (7)

(8) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (9) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (10)

Số hiệu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (12) Số vào sổ cấp chứng chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (13)

2. Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh

CHỨNG CHỈ

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Cấp cho: (1)

Sinh ngày: (2) Nơi sinh: (3)

Đã hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Xếp loại: (14)

(8) , ngày (9) tháng (10) năm

Số hiệu: (12) Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

3. Chương chi Đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG CHỈ

ĐÀO TẠO KIỂM ĐỊNH VIÊN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Cấp cho: (1)

Sinh ngày: (2) Noi sinh: (3)

Đã hoàn thành chương trình đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (4)

Hội đồng thi: (5)

Xếp loại: (14) Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm (9)

Số hiệu: (12) Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

4. Chứng chỉ Ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

CERTIFICATE OF PROFICIENCY

In: (23)

Level: (24)

This is to certify that

Full name: (26)

Date of birth: (27)

Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam

Date of Exam: (28)

Overall Score: (29)

Listening: (30a) Reading: (30b)

Speaking: (30c) Writing: (30d)

(31) (32)

Decision number: (33)

Certificate number: (34)

Reference number: (35)

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

Ngôn ngữ: (16)

Bậc: (17)

Cấp cho

Họ và tên: (1)

Ngày sinh: (2)

Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Ngày thi: (19)

Diễn thi: (20)

Nghe: (21a) Đọc: (21b)

Nói: (21c) Viết: (21d)

(8) ngày tháng năm (9)

Số Quyết định: (22)

Số hiệu: (12)

Số vào sổ cấp chứng chỉ: (13)

2. Cách ghi nội dung trên chứng chỉ

- (1) Ghi họ tên của người được cấp chứng chỉ, theo giấy khai sinh.

- (2) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh từ ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1 đến tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; ghi năm sinh đầy đủ 04 chữ số, giữa ngày tháng năm có dấu gạch chéo (Ví dụ: 07/02/1981).

- (3) Ghi nội dung của người học theo địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cấp theo giấy khai sinh, kể cả trong trường hợp tại thời điểm cấp văn bằng đã có sự thay đổi địa danh hành chính nên không còn địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi khai sinh.

- (4) Ghi ngày, tháng, năm từ lúc bắt đầu cho đến khi hoàn thành chương trình học. Nếu ngày là từ ngày 1 đến ngày 9, tháng là tháng 1 đến tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; ghi năm đầy đủ 04 chữ số.

- (5) Ghi tên Hội đồng. Nếu không thành lập Hội đồng thì không ghi.

- (6), (7) Ghi điểm thi của người được cấp chứng chỉ.

- (8) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp chứng chỉ đặt trụ sở chính.

- (9) Ghi ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ.

- (10) Chức danh của Thủ trưởng cơ sở đào tạo.

- (11) Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký, ghi rõ học hàm, học vị, họ tên và dòng đầu theo quy định.

- (12) Số hiệu: là số do cơ quan, đơn vị in phù chứng chỉ ghi khi cấp phôi.

- (13) Số vào số cấp chứng chỉ: là số ghi vào số góc chứng chỉ.

- (14) Ghi xếp loại của người được cấp chứng chỉ theo quy chế đào tạo và cấp chứng chỉ (ví dụ: Giỏi, Khá...).

- (15) Ghi tên chương trình đào tạo ngắn hạn.

- (16) Ghi ngôn ngữ được cấp chứng chỉ (Ví dụ: Tiếng Anh).

- (17) Ghi bậc theo năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- (18) Ghi tên cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ.

- (19) Ghi ngày, tháng, năm tổ chức thi. Nếu ngày là từ ngày 1 đến ngày 9, tháng là tháng 1 đến tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước, ghi năm đầy đủ 04 chữ số, giữa ngày tháng năm có dấu gạch chéo (Ví dụ: 07/02/1981).

- (20) Ghi tổng điểm đạt được.

- (21a), (21b), (21c), (21d): ghi điểm thi của từng kỳ năng.

- (22) Ghi số quyết định.

- (23) Ghi ngôn ngữ được cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh.

- (24) Ghi bằng số như đã ghi ở điểm (17).

- (25) Ghi tên của cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh.

- (26) Ghi đầy đủ họ tên như đã ghi ở điểm (1) bằng tiếng Việt không dấu.

- (27) Ghi ngày tháng năm sinh bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi “07/10/2005” thì tiếng Anh ghi “October 07, 2005”).

- (28) Ghi ngày tháng năm bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi “07/10/2005” thì tiếng Anh ghi "October 07, 2005").

- (29) Ghi tổng điểm thi như ghi ở điểm (20).

- (30a), (30b), (30c), (30d): Ghi điểm thi như ở điểm (21a), (21b), (21c), (21d).

- (31) Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp chứng chỉ đặt trụ sở chính bằng tiếng Anh.

- (32) Ghi ngày tháng năm cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi "07/02/1981" thì Tiếng Anh ghi “February 07, 1981”).

- (33) Ghi số quyết định như ghi ở điểm (22).

- (34) Ghi số hiệu như đã ghi ở điểm (12).

- (35) Ghi số vào số cấp chứng chỉ như đã ghi ở điểm (13).

-------------------------------------------------------------

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định in nội dung trên văn bằng, chứng chỉ

1. Mẫu bằng cao đẳng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

RECTOR

AN GIANG UNIVERSITY

has conferred

Advanced Diploma in Education

An Giang, (13)

Given under the seal of

AN GIANG UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm

Chọn: (2)

Ngày sinh: (3)

Xếp loại tốt nghiệp: (4)

An Giang, ngày \_\_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_\_ năm (5)

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: (7)

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: (8)

2. Cách ghi nội dung trên bảng cao đẳng

- (1) Ghi tên ngành đào tạo người học đã theo học, bằng tiếng Việt.

- (2) Ghi họ tên của người được cấp văn bằng, theo giấy khai sinh.

- (3) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh từ ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1 đến tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; ghi năm sinh đủ 04 chữ số, giữa ngày tháng năm có dấu gạch chéo (Ví dụ: 07/02/1981).

- (4) Ghi “Xuất sắc”, “Giỏi”, “Khá”, “Trung bình khá” hoặc “Trung bình” theo Quy chế đào tạo.

- (5) Ghi ngày, tháng, năm cấp văn bằng.

- (6) Thù trưởng cơ sở đào tạo (Hiệu trưởng) ký, ghi rõ họ tên và dòng đầu theo quy định.

- (7) Đổ cọ quan in phối văn bằng ghi khi cấp phổ.

- (8) Đổ cọ số đào tạo ghi vào số góc cấp văn bằng khi cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.

- (9) Ghi “in” và tên ngành đào tạo người học đã theo học bằng tiếng Anh (Ví dụ: in English).

- (10) Ghi đầy đủ họ tên như đã ghi ở điểm (2) bằng tiếng Việt không dấu.

- (11) Ghi ngày tháng năm sinh bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi "07/10/2005" thì tiếng Anh ghi "October 07, 2005").

- (12) Loại Xuất sắc ghi “Hight Distinction”, loại Giỏi ghi “Distinction”, loại Khá ghi “Credit”, loại Trung bình khá ghi “Strong Pass”, loại Trung bình ghi “Pass”.

- (13) Ghi ngày tháng năm cấp văn bằng bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi "07/02/1981" thì Tiếng Anh ghi "February 07, 1981").

Ghi chú:

- Nếu người được cấp văn bằng là người nước ngoài thì ghi các thông tin tại điểm (2), (3), (10), (11) cần cứ vào hộ chiếu.

1. Mẫu bằng đại học

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

has conferred the degree of

Bachelor of Engineering

Upon: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (10)

Date of birth: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (11)

Ranking: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (12)

Ho Chi Minh City, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (13)

Given under the seal of

UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DAI HOC QUOC GIA

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DAI HOC QUOC GIA THANH PHO HO CHI MINH

TRƯỞNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Cấp bằng

Cử nhân

Chúc: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (2)

Ngày sinh: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (3)

Hạng tốt nghiệp: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (4)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày \_\_\_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_\_\_ (5)

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu/ No: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (7)

Số vào sổ gốc cấp văn bằng/ Reg. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (8)

2. Cách ghi nội dung trên bảng đại học

- (1), (1a):

+ Đối với chương trình đào tạo bình thường

- (1) ghi tên ngành đào tạo người học đã theo học, bằng tiếng Việt. Bằng đại học đã in tên ngành đào tạo trên bảng thì không ghi.

- (1a) không in.

+ Đối với chương trình đặc biệt

- (1) Ghi tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: Chương trình tài năng, chương trình tiến tiến hay các chương trình khác trong đường bằng tiếng Việt.

- (1a) ghi tên ngành đào tạo người học đã theo học, bằng tiếng Việt.

- (2) Ghi họ tên của người được cấp văn bằng, theo giấy khai sinh.

- (3) Ghi ngày, tháng, năm sinh theo giấy khai sinh. Nếu ngày sinh từ ngày 1 đến ngày 9, tháng sinh là tháng 1 đến tháng 2 thì ghi thêm số 0 phía trước; ghi năm sinh đủ 04 chữ số, giữa ngày tháng năm có dấu gạch chéo (Ví dụ: 07/02/2000).

- (4) Ghi “Xuất sắc”, “Giỏi”, “Khá”, “Trung bình khá” hoặc “Trung bình” theo Quy định.

- (5) Ghi ngày, tháng, năm cấp bằng.

- (6) Thù trưởng cơ sở đào tạo (hoặc Giám đốc ĐHQG-HCM hoặc Giám đốc ĐHQG-HCM, Thù trưởng cơ sở đào tạo) ký, ghi rõ họ tên và dòng đầu theo quy định.

- (7) Do cơ quan in phối văn bằng ghi khi cấp phối.

- (8) Do cơ sở đào tạo ghi vào số góc cấp văn bằng khi cấp bằng tốt nghiệp đại học.

- (9), (9a):

+ Đối với chương trình đào tạo bình thường

- (9) Ghi “in” và tên ngành đào tạo người học đã theo học bằng tiếng Anh (Ví dụ: in Information Technology). Bằng đại học đã in tên ngành đào tạo trên bảng thì không ghi.

- (9a) không in

+ Đối với chương trình đặc biệt

- (9) “Chương trình tài năng” ghi “Honor Program”, “Chương trình tiến tiến” ghi “Advanced Program” hoặc tên các loại chương trình đào tạo theo quyết định ban hành bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ phù hợp khác.

- (9a) Ghi “in” và tên ngành đào tạo người học đã theo học bằng tiếng Anh (Ví dụ: in Information Technology) hoặc ngoại ngữ phù hợp khác.

- (10) Ghi đầy đủ họ tên như đã ghi ở điểm (2) bằng tiếng Việt không dấu.

- (11) Ghi ngày tháng năm sinh bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi "07/10/2000" thì tiếng Anh ghi "October 07, 2000").

- (12) Loại "Xuất sắc" ghi "Excellent", loại "Giỏi" ghi "Very good", loại "Khá" ghi "Good", loại "Trung bình khá" ghi "Average good", loại "Trung bình" ghi "Ordinary".

- (13) Ghi ngày tháng năm cấp văn bằng bằng tiếng Anh, cụ thể: ghi tháng bằng chữ tiếng Anh, ghi ngày và năm bằng số được ngăn cách bằng dấu phẩy. (Ví dụ: tiếng Việt ghi "07/02/2022" thì tiếng Anh ghi "February 07, 2022").

Ghi chú:

- Nếu người được cấp văn bằng là người nước ngoài thì ghi các thông tin tại điểm (2), (3), (10), (11) cần cứ vào hộ chiếu.